

Số: 352/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 1 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình, tiến độ thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND
ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh theo kế hoạch UBND giao năm 2018
đến hết ngày 15/9/2018**

Thực hiện Thông báo số 40/TB-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Kết luận cuộc họp về tình hình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở số liệu báo cáo của UBND các huyện, thành phố và các ngành liên quan. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh đến hết ngày 15/9/2018 như sau:

I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Về kiên cố hóa kênh mương

1.1. Kế hoạch: Kiên cố hóa kênh mương bằng cấu kiện kênh bê tông đúc sẵn 275 km với tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ 191,123 tỷ đồng.

1.2. Kết quả cung ứng và thi công, lắp đặt

- **Tiến độ cung ứng cấu kiện:** Đã cung ứng cấu kiện cho các xã 275km/ 275km kênh mương, đạt 100% kế hoạch được giao, tăng 31,2 km so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018).

- **Tiến độ thi công, lắp đặt:** Đã hoàn thành thi công lắp đặt 154,1m/ 275 km kênh mương bằng cấu kiện kênh bê tông đúc sẵn đạt 56,04% kế hoạch được giao, tăng 31,47km so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018).

1.3. Kế hoạch thi công, lắp đặt kênh từ ngày 15/8/2018 đến hết năm 2018

- Khối lượng kênh cần thực hiện kiên cố hóa để hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018: 121,19km.

- Kế hoạch thực hiện trung bình tháng: 30,3 km/ tháng.

- Đánh giá kết quả thực hiện trong tháng: Số kênh mương kiên cố hóa hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng là 31,47km/30,3km, đạt 103,87% kế hoạch, đáp ứng kế hoạch trung bình tháng đề ra.

- Nhận định: Với tiến độ thực hiện như thời điểm vừa qua sẽ hoàn thành kế hoạch kiên cố hóa kênh mương UBND tỉnh giao trong năm 2018.

1.4. Kết quả giao và giải ngân vốn

- Đã cấp 160,68 tỷ/191,123 tỷ đồng, đạt 84,07% kế hoạch. Trong đó: Vốn cấp cho Sở Nông nghiệp và PTNT là 155,68 tỷ; Vốn cấp cho UBND các huyện từ nguồn vốn Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018 là 5,0 tỷ.

- Đã giải ngân 156,577 tỷ đồng (gồm 155,68 tỷ vốn tỉnh cấp năm 2018, 0,897 tỷ vốn còn thừa năm 2016+2017 chuyển sang sử dụng năm 2018), đạt 100% so với kết quả vốn đã cấp; so với kế hoạch vốn năm 2018 đạt 81,92%.

2. Về bê tông hóa đường giao thông nội đồng

2.1. Kế hoạch: Bê tông hóa 100,54 km đường giao thông nội đồng với tổng kinh phí hỗ trợ 30,255 tỷ đồng.

2.2. Kết quả thực hiện:

- Về tiến độ cung ứng xi măng, ống cống: Đã cung ứng cho các huyện/ thành phố 18.119,6 tấn xi măng, 896 ống cống tăng 4.048,5 tấn xi măng và 210 ống cống so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018).

- Về tiến độ thi công: Đã thi công hoàn thành 82,60 km /100,54km đường, đạt 82,16% kế hoạch, tăng 17,76 km so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018).

2.3. Kế hoạch thi công, lấp đặt kênh từ ngày 15/8/2018 đến hết năm 2018

- Khối lượng đường cần bê tông hóa để hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018: 35,7 km.

- Kế hoạch thực hiện trung bình tháng: 8,92 km/ tháng.

- Đánh giá kết quả thực hiện trong tháng: Khối lượng đường giao thông nội đồng thực hiện bê tông hóa hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng là 17,76km/8,92km, đạt 198,99% kế hoạch, vượt kế hoạch trung bình tháng đề ra.

- Nhận định: Với tiến độ thực hiện như thời điểm vừa qua, sẽ hoàn thành vượt kế hoạch bê tông hóa đường giao thông nội đồng UBND tỉnh giao trong năm 2018.

2.4. Kết quả giao vốn: Đã cấp 30,255 tỷ / 30,255 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

3. Về xây dựng nhà văn hóa thôn gắn với sân thể thao và khuôn viên

3.1. Kế hoạch: Xây dựng 163 nhà văn hóa (159 nhà thuộc kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018; 04 nhà bổ sung kế hoạch năm 2018) với tổng kinh phí hỗ trợ 42,840 tỷ đồng. Bao gồm: 142 nhà văn hóa thôn, bản với kinh phí hỗ trợ 38,640 tỷ đồng; 21 nhà văn hóa tổ nhân dân với kinh phí hỗ trợ 4,200 tỷ đồng.

3.2. Kết quả cung ứng và thi công, xây dựng

- Tiến độ cung ứng cấu kiện: Đến nay đã hoàn thành việc cung ứng cấu kiện đối với 125/142 nhà văn hóa thôn, bản, đạt 88,03% kế hoạch, tăng 18 nhà so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018).

- Tiến độ thi công, lấp đặt: Đến thời điểm hiện tại đã thi công hoàn thành đưa vào sử dụng 69 nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân (05 nhà văn hóa tổ nhân dân và 64 nhà văn hóa thôn, bản), tăng 38 nhà so với kỳ báo cáo trước (38 nhà văn hóa thôn,

bản); 53 nhà đang thi công, hoàn thiện (15 nhà văn hóa tổ nhân dân và 38 nhà văn hóa thôn, bản); 41 nhà đã và đang chuẩn bị mặt bằng xây dựng (01 nhà văn hóa tổ nhân dân và 40 nhà văn hóa thôn, bản).

1.3. Kế hoạch thi công, xây dựng từ ngày 15/8/2018 đến hết năm 2018

- Khối lượng nhà văn hóa cần thi công, xây dựng để hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018: 132 nhà.

- Kế hoạch thực hiện trung bình tháng: 33 nhà/ tháng.

- Đánh giá kết quả thực hiện trong tháng: Số nhà văn hóa thi công hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng là 38 nhà/33 nhà, đạt 115,15% kế hoạch, vượt kế hoạch trung bình tháng đề ra.

- Nhận định: Với tiến độ thực hiện như thời điểm vừa qua sẽ hoàn thành kế hoạch xây dựng nhà văn hóa UBND tỉnh giao trong năm 2018.

1.4. Kết quả giao và thực hiện giải ngân vốn

- Đã cấp 23,520 tỷ/42,840 tỷ đồng, đạt 54,90% kế hoạch.

- Đã giải ngân 19,305 tỷ/ 42,840 tỷ đồng, đạt 45,06% kế hoạch.

(Chi tiết có biểu tổng hợp kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Việc xây dựng kế hoạch cung ứng, tiếp nhận

- *Kế hoạch cung ứng*: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Xây dựng đã xây dựng kế hoạch cung ứng cầu kiện kênh và cầu kiện nhà văn hoá cho từng xã của các huyện/ thành phố để tổ chức triển khai và theo dõi tiến độ thực hiện (*Kế hoạch số 42/KH-SNN ngày 17/4/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 245/KH-SXD ngày 28/3/2018 của Sở Xây Dựng*); Riêng kế hoạch cung ứng chi tiết xi măng, ống cống theo tháng thì UBND các huyện và Thành phố Tuyên Quang tự lập kế hoạch để tổ chức thực hiện.

- *Kế hoạch tiếp nhận*: UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch tiếp nhận cầu kiện kênh bê tông đúc sẵn và cầu kiện nhà văn hóa gửi Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị cung ứng thực hiện cung ứng cầu kiện cho các xã/ phường/ thị trấn theo kế hoạch đăng ký tiếp nhận.

2. Tiến độ cung ứng và thi công lắp đặt

- *Tiến độ cung ứng cầu kiện*: Nhìn chung tiến độ cung ứng cầu kiện kênh, cầu kiện nhà văn hoá và tiến độ cung ứng xi măng, ống cống để tổ chức thi công 3 công trình theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh đáp ứng tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- *Tiến độ thi công lắp đặt*:

+ Tiến độ thi công, lắp đặt kênh mương và thi công xây dựng nhà văn hóa gắn với sân thể thao, khuôn viên còn chậm, nguyên nhân chính là do phụ thuộc vào mùa vụ sản xuất nên khó khăn trong việc huy động nhân lực và chuẩn bị mặt bằng để thi công, lắp đặt công trình.

+ Tiến độ thi công đường giao thông nội đồng cơ bản đáp ứng tiến độ theo kế hoạch đề ra. Đến thời điểm hiện tại Thành phố Tuyên Quang đã thi công hoàn thành 1,31km/1,31km đường, đạt 100% kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018; Các huyện còn lại đang chỉ đạo UBND các xã/ thị trấn tổ chức thi công.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề hoàn thành kế hoạch xây dựng 03 công trình theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018. Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị thực hiện các giải pháp như sau:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hồ sơ, thủ tục các công trình xây dựng theo hướng dẫn của ngành và hướng dẫn liên ngành và đăng ký cấu kiện kênh, nhà văn hóa, xi măng, ống cống theo kế hoạch.

- Chỉ đạo UBND các xã/ phường/ thị trấn tập trung nhân lực đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt nhà văn hóa đối với những nơi đã được cung ứng đầy đủ cấu kiện; riêng việc thi công, lắp đặt kênh mương và bê tông hóa đường giao thông nội đồng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến việc cung cấp nước tưới và diện tích lúa đã gieo cấy.


- Khẩn trương hoàn thiện kế hoạch kiên cố hóa kênh mương bằng cấu kiện kênh bê tông đúc sẵn năm 2019, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định.

2. Các Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng): Bám sát kế hoạch đã xây dựng, phối hợp với nhà thầu để kịp thời cung ứng đảm bảo tiến độ thi công, lắp đặt tại cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra tại cơ sở trong quá trình tổ chức thực hiện thi công lắp đặt các công trình, đảm bảo yêu cầu về kỹ, mỹ thuật. Kịp thời nắm bắt tình hình, báo cáo UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Các nhà thầu cung ứng cấu kiện kênh + nhà văn hoá, xi măng và ống cống: Căn cứ kế hoạch của các chủ đầu tư tổ chức cung ứng đảm bảo đúng tiến độ thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến hết ngày 15/9/2018. Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Q. GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Xây dựng; Giao thông- Vận tải; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT_{Bình}.



Nguyễn Văn Việt

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 03/2016/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2016
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẾN HẾT NGÀY 15/9/2018**

(Kèm theo báo cáo số 352 /BC- SNN ngày 17/9/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯỜNG									
I	KH năm 2018 UBND tỉnh giao (QĐ 23)	km	275,0	66,0	73,0	12,0	40,0	53,0	16,0	15,0
II	Kết quả triển khai thực hiện:									
1	<i>Tiến độ cung ứng cầu kiện kênh BT đúc sẵn lữ kế</i>	<i>km</i>	<i>275,0</i>	<i>66,0</i>	<i>73,0</i>	<i>12,0</i>	<i>40,0</i>	<i>53,0</i>	<i>16,0</i>	<i>15,0</i>
-	<i>Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao</i>	<i>%</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>
-	<i>Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)</i>	<i>km</i>	<i>31,2</i>	<i>-</i>	<i>14,8</i>	<i>-</i>	<i>2,2</i>	<i>14,2</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2	<i>Tiến độ thi công lắp ghép kênh lữ kế</i>	<i>km</i>	<i>154,10</i>	<i>48,13</i>	<i>34,71</i>	<i>9,58</i>	<i>19,29</i>	<i>23,61</i>	<i>8,54</i>	<i>10,24</i>
2.1	<i>Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao</i>	<i>%</i>	<i>56,04</i>	<i>72,92</i>	<i>47,54</i>	<i>79,87</i>	<i>48,24</i>	<i>44,55</i>	<i>53,39</i>	<i>68,26</i>
2.2	<i>Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)</i>	<i>km</i>	<i>31,47</i>	<i>6,25</i>	<i>7,58</i>	<i>2,71</i>	<i>5,80</i>	<i>5,80</i>	<i>0,87</i>	<i>2,47</i>
2.3	<i>Khối lượng kênh cần thực hiện kiên cố hóa (từ ngày 15/8 đến hết tháng 12/2018) để hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018</i>	<i>km</i>	<i>121,19</i>	<i>24,12</i>	<i>31,06</i>	<i>5,13</i>	<i>24,29</i>	<i>21,04</i>	<i>8,33</i>	<i>7,23</i>
-	<i>Kế hoạch thực hiện trung bình tháng</i>	<i>km/ tháng</i>	<i>30,30</i>	<i>6,03</i>	<i>7,76</i>	<i>1,28</i>	<i>6,07</i>	<i>5,26</i>	<i>2,08</i>	<i>1,81</i>
-	<i>Kết quả thực hiện trong tháng so với kế hoạch thực hiện trung bình tháng</i>	<i>%</i>	<i>103,87</i>	<i>103,65</i>	<i>97,58</i>	<i>211,39</i>	<i>95,45</i>	<i>110,26</i>	<i>41,70</i>	<i>136,60</i>
B	BÊ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GIAO THÔNG									
I	Kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018	km	100,54	35,00	16,10	1,31	18,00	22,66	2,28	5,19

II	Kết quả triển khai thực hiện:									
1	Tiến độ cung ứng xi măng	tấn	18.119,6	6.521,2	3.055,3	248,0	2.981,9	4.070,7	262,1	980,6
-	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	tấn	4.048,5	2.369,0	568,8	0,4	373,7	531,8	-	204,8
2	Tiến độ cung ứng ống cống	cái	896		84	41	179	584	8	
-	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	cái	210	-	-	41	5	159	5	-
3	Đã thi công hoàn thành	km	82,60	24,06	16,10	1,31	14,91	19,90	1,13	5,19
3.1	Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao	%	82,16	68,74	100,00	100,00	82,83	87,82	49,65	100,00
3.2	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	km	17,76	7,77	3,02	-	2,04	3,16	0,18	1,59
3.3	Khối lượng đường cần bê tông hóa (từ ngày 15/8 đến hết tháng 12/2018) để hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018	km	35,70	18,71	3,02	-	5,13	5,92	1,33	1,59
-	Kế hoạch thực hiện trung bình tháng	km/ tháng	8,92	4,68	0,75	-	1,28	1,48	0,33	0,40
-	Kết quả thực hiện trong tháng so với kế hoạch thực hiện trung bình tháng	%	198,99	166,11	400,00		159,06	213,55	54,74	400,00
C	XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA									
I	Kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018	Nhà	163	35	39	13	28	25	17	6
II	Kết quả triển khai thực hiện:									
1	Hỗ trợ tiền mặt (KH)	Nhà	21	6	-	8	4	2	1	
1.1	Đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng	nhà	5	3		2				
-	Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao	%	23,8	50,0		25,0				
-	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	nhà	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Số nhà đang thi công, hoàn thiện		15	3		6	4	2		
1.3	Đã và đang chuẩn bị mặt bằng xây dựng	nhà	1	-	-	-	-	-	1	-

2	Hỗ trợ cầu kiện (KH)	nhà	142	29	39	5	24	23	16	6
2.1	Đã nhận đầy đủ cầu kiện	nhà	125	27	33	5	20	22	12	6
-	Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao	%	88,03	93,10	84,62	100,00	83,33	95,65	75,00	100,00
-	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	nhà	18	4	4	2	3	3	2	-
2.2	Đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng	nhà	64	14	23		8	12	4	3
-	Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao	%	45,07	48,28	58,97	-	33,33	52,17	25,00	50,00
-	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	nhà	38	9	12	-	6	5	4	2
2.3	Số nhà đang thi công, hoàn thiện	nhà	38	9	6	3	8	4	5	3
2.4	Đã và đang chuẩn bị mặt bằng xây dựng	nhà	40	6	10	2	8	7	7	-
3	Tổng số nhà đã thi công HT và đưa vào sử dụng	nhà	69	17	23	2	8	12	4	3
3.1	Đạt % so với kế hoạch UBND tỉnh giao	%	42,33	48,57	58,97	15,38	28,57	48,00	23,53	50,00
3.2	Tăng so với kỳ báo cáo trước (ngày 15/8/2018)	nhà	38	9	12	-	6	5	4	2
3.3	Khối lượng kênh cần thực hiện kiên cố hóa (từ ngày 15/8 đến hết tháng 12/2018) để hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2018	nhà	132	27	28	11	26	18	17	5
-	Kế hoạch thực hiện trung bình tháng	nhà/ tháng	33	7	7	3	7	5	4	1
-	Kết quả thực hiện trong tháng so với kế hoạch thực hiện trung bình tháng	%	115,15	133,33	171,43		92,31	111,11	94,12	160,00